

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 -2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh.

2. Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 597/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1993, địa chỉ tạm trú: Khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh B

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bình S, sinh năm 1985, địa chỉ tạm trú: Đường XC6, tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B

Bà L có mặt, ông S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố H vào ngày 30/9/2014, quyển 01/2014, số 140. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung

sống hạnh phúc và có 01 con chung. Tuy nhiên, thời gian sau này vợ chồng này sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm.

Theo bà L, mâu thuẫn giữa bà và ông S kéo dài nhiều năm từ khoảng năm 2018 đến nay. Năm 2019, bà L không thể ở chung được và dọn ra ngoài sinh sống với con trai là cháu Khang. Bà L và ông S đã ly thân nhiều năm. Hai mẹ con ở trọ tại khu phố 8, phường C, thị xã B, tỉnh B. Còn ông S vẫn ở trọ tại nhà trọ H, đường XC 6, tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B cho đến nay.

Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà L và ông S có 01 con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 09/11/2014, cháu K ở với bà L từ khi nhỏ cho đến nay. Bà L yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Lương mỗi tháng khoảng 8.000.000 đến 9.000.000 đồng nên bà L đủ điều kiện nuôi con, bằng lương đã cung cấp cho Tòa án.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Bình S: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đối với ông S tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Hiện ông Nguyễn Bình S đang cư trú tại nhà trọ H, đường XC 6, tổ 7, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B, có đăng ký tạm trú. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí M vào ngày 30/9/2014 theo quyền 01/2014, số 140. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông S là hợp pháp.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà L trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông S đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông S.

Bị đơn ông S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2022, Trưởng Ban điều hành khu phố 4, phường M cung cấp: Ông Nguyễn Bình S có tạm trú tại nhà trọ H, khu phố 4 phường M, thị xã B. Về mâu thuẫn giữa bà L và ông S thì không nắm rõ do không có ai trình báo về mâu thuẫn vợ chồng cho địa phương.

Xét thấy, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông S vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy ông S không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà L. Ông S không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà L và ông S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần cho bà L được ly hôn với ông S để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà L và ông S có 01 con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 09/11/2014, cháu K ở với bà L từ khi nhỏ cho đến nay. Hiện bà L đang sống chung với cháu K. Nguyên vọng của cháu K là được sống chung với bà L. Bà L có công việc ổn định, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Xét việc tiếp tục giao cháu Khang cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của cháu Khang. Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc L đối với bị đơn ông Nguyễn Bình S về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Bình S.

- Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 09/11/2014 cho bà Phạm Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Bình S không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Ngọc L không yêu cầu.

Ông Nguyễn Bình S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau khi ly hôn, khi cần thiết bà Phạm Ngọc L hoặc ông Nguyễn Bình S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005357 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích